

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16 tháng 3 năm 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Nguyễn Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-TA ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị I, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn Qu, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K Pắc, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Lê Thị I trình bày:

Tôi (Lê Thị I) và anh Phạm Văn Qu sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện thì chính thức về chung sống với nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/08 ngày 21/01/2008.

Sau khi về chung sống với nhau do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nhiều trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm lẫn nhau, không tôn trọng nhau trong cuộc

sống. Dù đã được gia đình hai bên hòa giải và bản thân chúng tôi cũng đã cố gắng tìm cách thay đổi để cuộc sống chung hòa hợp hơn nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Tôi và anh Qu đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 để cho nhau thời gian suy nghĩ, nhưng từ thời gian đó cho đến nay, ai biết bốn phần người đó không quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Hiện nay do nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Văn Qu.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung các cháu tên là Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Phạm Lê Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011. Sau khi vợ chồng tôi sống ly thân thì cả hai cháu đều do anh Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn căn cứ theo nguyện vọng của các con và tôi cũng chưa có chỗ ở ổn định nên tôi sẽ giao cho anh Qu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Văn M và cháu Phạm Lê Ngọc K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 11 năm 2022 bị đơn anh Phạm Văn Qu trình bày: Tôi (Phạm Văn Qu) và chị Lê Thị I sống chung với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/08 ngày 21/01/2008.

Xuyên suốt trong quá trình sống chung do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm lẫn nhau, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Dù đã được gia đình hai bên hòa giải và bản thân chúng tôi cũng đã cố gắng tìm cách thay đổi để cuộc sống chung hòa hợp hơn nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 8 năm 2022 thì vợ chồng tôi sống ly thân nhau đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện nay do nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn cơ hội để quay về đoàn tụ nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Lê Thị I.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung các cháu tên là Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Phạm Lê Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011. Sau khi vợ chồng tôi sống ly thân thì cả hai cháu đều do tôi (Qu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì tôi xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Văn M và cháu Phạm Lê Ngọc K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nếu được nuôi con thì không yêu cầu chị I cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07/11/2022 cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Lê Thị Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011 đều có nguyện vọng xin được sống với bố là anh Phạm Văn Qu.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn Qu: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Ngày 07 tháng 11 năm 2022 anh Qu đến Tòa án làm việc Tòa án. Tại buổi làm việc anh Qu đề nghị Tòa án lấy lời khai của anh Qu. Sau khi Tòa án ghi lời khai, anh Qu đã tự đọc lại lời khai và công nhận lời khai của mình là đúng. Tuy nhiên, sau khi đọc lại lời khai anh Qu không ký vào biên bản lấy lời khai. Đồng thời anh Qu không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa chị Lê Thị I vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh Phạm Văn Qu vắng mặt không có do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn Qu không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Lê Thị I vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh Phạm Văn Qu vắng mặt không có do. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị I. Cho chị Lê Thị I được ly hôn anh Phạm Văn Qu. Giao con chung là cháu Lê Thị Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011 và cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 cho anh Phạm Văn Qu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc hai cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Phạm Văn Qu không yêu cầu chị I cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không yêu cầu HĐXX giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chị I, anh Qu không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về con chung” quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Lê Thị I làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Phạm Văn Qu cư trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Qu không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Lê Thị I vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) anh Phạm Văn Qu vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/08 ngày 21/01/2008. Như vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Tuy nhiên, sau khi cưới chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu sống với nhau không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Do vậy, chị I, anh Qu thường xuyên cãi nhau. Sự việc trên xảy ra đã một thời gian dài nhưng chị I và anh Qu không tự giải quyết được. Do vậy, mâu thuẫn của anh Qu và chị I ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8 năm 2022 chị I, anh Qu sống ly thân nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Mặt khác kết quả xác M ngày 14/12/2022 tại chính quyền địa phương xã Ea Uy thể hiện: Chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu có Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống tại địa phương thì chị I, anh Qu có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không biết. Tuy nhiên, từ tháng 8 năm 2022 đến nay chị I và anh Qu không sống chung với nhau. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị I và anh Qu không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình cho chị I ly hôn anh Phạm Văn Qu là phù hợp.

+ Về con chung: Chị Lê Thị I và anh Phạm Văn Qu có hai người con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Lê Thị Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011.

Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Qu có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc con chung là cháu M và cháu K cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên. Bản thân cháu M và cháu K cũng có nguyện vọng

xin được sống với bố là anh Phạm Văn Qu. Chị Lê Thị I cũng có nguyện vọng giao hai con là cháu M và cháu K cho anh Qu nuôi dưỡng.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét mọi mặt cuộc sống của các cháu. Quá trình giải quyết vụ án hai cháu M và cháu K có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn thì xin được sống với bố. Anh Qu cũng có nguyện vọng xin nuôi hai con con chung là không trái quy định của pháp luật. Hơn nữa từ ngày chị I anh Qu ly thân đến nay hai cháu đang sống với anh Qu. Do vậy, HĐXX cần áp dụng Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Lê Thị Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011 cho anh Phạm Văn Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn Qu không yêu cầu chị I cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét việc anh Qu không yêu cầu chị I cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện không trái pháp luật nên HĐXX không cần đề cập giải quyết.

+ Về tài sản và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị I, anh Phạm Văn Qu không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là tương đối phù hợp, nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Buộc chị Lê Thị I phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị I.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị I ly hôn anh Phạm Văn Qu.

+ Về con chung: Giao hai con chung là cháu Phạm Văn M, sinh ngày 11/12/2008 và cháu Lê Thị Ngọc K, sinh ngày 03/10/2011 cho anh Phạm Văn Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M và cháu K đủ tuổi thành niên.

Chị Lê Thị I được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không

ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị Lê Thị I không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh Phạm Văn Qu không yêu cầu chị Lê Thị I cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị I, anh Phạm Văn Qu không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

+ Về án phí: Chị Lê Thị I phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016560 ngày 26/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chị Lê Thị I, anh Phạm Văn Qu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện Kr;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

